

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Đ: 24
+1: 03

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành (22460803)

Ngày thi: 21/07/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A406

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

Đan Thị Đan

Nguyễn Thị Thanh Loan

Phạm Văn Minh

T. Tuấn
Đặng Minh Quân

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124110142	Dương Thái An	22/12/2006	CCQ2411E	1646	AD	7,1	3,8	5,1	
2	2124110336	Maí Văn An	25/05/2006	CCQ2411E			1,5			
3	2124110340	Lê Nguyễn Ngọc Duy	19/10/2006	CCQ2411E	1648		5,5	5,6	5,6	
4	2124110181	Nguyễn Văn Ba	24/12/2006	CCQ2411F	1649	Ba	7,2	5,8	6,4	
5	2124110330	Đỗ Gia Bảo	01/01/2006	CCQ2411E	1647	B	8,7	6,6	7,4	HP
6	2124110159	Trần Minh Chiến	17/11/2005	CCQ2411E	1647	C	7,8	4,6	5,9	
7	2124110306	Nguyễn Văn Chương	25/03/2005	CCQ2411E	1648	Q	6,6	4,0	5,0	
8	2124220020	Đoàn Nguyễn Thành Công	18/07/2004	CCQ2411E	1647	G	8,3	6,4	7,2	HP
9	2124110194	Nguyễn Văn Cường	27/11/2006	CCQ2411F	1646	C	10,0	7,4	8,4	
10	2124110145	Lê Thành Đạt	10/03/2005	CCQ2411E	1647	D	4,0	5,2	4,7	
11	2124110295	Trần Minh Đạt	02/03/2006	CCQ2411E	1648	D	8,3	6,6	7,3	
12	2124110301	Nguyễn Thị Thanh Diệu	02/11/2006	CCQ2411E	1649	D	9,5	7,4	8,2	
13	2124110162	Đào Duy Dũng	16/07/2006	CCQ2411E	1649	D	8,0	4,0	5,6	
14	2123220043	Trần Nhật Duy	14/09/2005	CCQ2322B	1647	D	6,9	3,0	4,6	
15	2124110310	Lê Trần Minh Hiền	18/02/2006	CCQ2411E	1648	H	9,2	8,6	8,8	
16	2124110324	Nguyễn Anh Hiếu	07/12/1999	CCQ2411E	1649	H	9,5	6,6	7,8	
17	2124110197	Nguyễn Minh Hiếu	08/03/2006	CCQ2411F			0,0			
18	2124110192	Phùng Văn Hiếu	23/10/2003	CCQ2411F	1647	H	8,1	7,0	7,4	
19	2124110293	Trịnh Khánh Hòa	10/07/2006	CCQ2411E	1648	H	8,4	7,2	7,7	
20	2124110151	Nguyễn Vũ Hoàng	07/02/2006	CCQ2411E	1649	H	2,3			
21	2124110144	Trần Đình Huy	24/11/2006	CCQ2411E	1649	H	7,6	5,4	6,3	
22	2124110187	Nguyễn Minh Hùng	12/09/2006	CCQ2411F	1646	H	6,8	4,4	5,4	
23	2124110193	Lê Huỳnh Thái Hưng	28/04/2006	CCQ2411F	1648	H	7,4	2,4	4,4	
24	2124350025	Hà Thị Mỹ Hương	24/12/2006	CCQ2435A	1647	H	7,2	4,0	5,3	
25	2124110339	Nguyễn Mạnh Huy	10/01/2005	CCQ2411E	1649	H	8,9	6,4	7,4	
26	2124110152	Phạm Hồng Gia Huy	04/12/2001	CCQ2411E	1646	H	10,0	9,2	9,5	
27	2124110175	Huỳnh Minh Kha	03/04/2006	CCQ2411E			2,1			
28	2124110294	Nguyễn Hoàng Khang	01/11/2005	CCQ2411F			0,0			HP

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành (22460803)

Ngày thi: 21/07/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A406

Số SV có mặt: 27..

Số bài thi: ...27...

Số tờ giấy thi: 27..

Trần Thị Liên

Nguyễn Thị Thuận Loan

Phạm Văn Minh

T. Tuấn

Đặng Minh Quân

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124350047	Nguyễn Văn Khang	03/07/2005	CCQ2435B	1647	<i>Khang</i>	7,0	3,0	4,6	
30	2124110300	Kiều Châu Kiệt	19/09/2006	CCQ2411F	1648	<i>Kiệt</i>	7,7	4,6	5,8	
31	2123110235	Trần Thị Bích Liên	31/05/2003	CCQ2311G	1646	<i>Liên</i>	6,8	4,2	5,2	
32	2124110205	Nguyễn Viết Lộc	02/01/2005	CCQ2411F	1649	<i>Lộc</i>	6,8	4,6	5,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460803)

Ngày thi: 21/07/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A501

A: 26
H: 02

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên/Chấm thi 1

G.Viên/Chấm thi 2

Ngô Đình Hương
Đào Thị Diệu
Phạm Văn Mạnh
Nguyễn Minh Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124110210	Nguyễn Sỹ Luân	22/08/2006	CCQ2411F	1646		6,9	3,8	5,0	
2	2123110105	Võ Hoàng Nam	13/05/2005	CCQ2311C	1647		6,6	5,2	5,8	HP
3	2124350051	Trần Thị Thu Ngân	31/10/2006	CCQ2435B	1648		6,3	5,2	5,6	
4	2124110311	Nguyễn Hậu Nghệ	07/08/2006	CCQ2411F	1649		6,9	4,0	5,2	
5	2124110154	Huỳnh Hữu Nghĩa	06/03/2006	CCQ2411E	1646		7,7	4,8	6,0	
6	2124110190	Trần Đức Nghĩa	12/08/2005	CCQ2411F	1647		7,5	5,6	6,4	
7	2124110319	Hán Minh Nghiêm	07/02/2006	CCQ2411E	1648		6,1	4,4	5,1	
8	2122110116	Đồng Thúy Nghiệm	09/10/2004	CCQ2211C	1649		5,9	5,0	5,4	
9	2124110200	Đỗ Văn Thành Nhân	27/08/2006	CCQ2411F	1646		7,7	4,6	5,8	
10	2124350049	Lê Mỹ Nhân	13/04/2005	CCQ2435B	1647		7,5	4,8	5,9	
11	2122110432	Hồ Trung Nhật	02/06/2004	CCQ2211LA			2,4			HP
12	2124110302	Nguyễn Anh Phát	01/07/2006	CCQ2411F	1649		8,7	7,2	7,8	
13	2124110199	Nguyễn Đăng Phát	10/08/2006	CCQ2411F	1646		7,3	4,2	5,4	
14	2124110291	Tổng Thái Phát	29/01/2006	CCQ2411F	1647		9,1	7,2	8,0	
15	2124110329	Nguyễn Thái Phương	15/02/2003	CCQ2411F	1648		9,1	4,8	6,5	
16	2124110160	Võ Hồ Minh Quân	13/03/2004	CCQ2411E			0,0			HP
17	2124110166	Võ Minh Quang	23/07/2006	CCQ2411E	1646		8,0	5,8	6,7	
18	2124110173	Dương Hoàng Sơn	07/12/2006	CCQ2411E	1647		7,3	6,0	6,5	
19	2122110423	Hoàng Công Sơn	05/09/2004	CCQ2211LA			3,9			HP
20	2124110317	Nguyễn Xuân Sơn	11/07/2005	CCQ2411F	1649		9,2	6,2	7,4	
21	2124110167	Huỳnh Tấn Tài	24/08/2005	CCQ2411E	1646		6,7	4,4	5,3	
22	2124110035	Âu Dương Tâm	14/11/2005	CCQ2411A	1647		10,0	3,4	6,0	
23	2124110147	Mai Phúc Tân	22/04/2006	CCQ2411E	1648		7,7	6,0	6,7	
24	2124110201	Nguyễn Xuân Thành	10/05/2005	CCQ2411F	1649		8,5	5,2	6,5	
25	2124110206	Đỗ Thanh Thương	12/12/2006	CCQ2411F	1646		10,0	7,6	8,6	
26	2124110195	Lê Nguyễn Minh Triết	05/11/2006	CCQ2411F			0,0			
27	2124110273	Tô Thị Thanh Trúc	28/10/2006	CCQ2411F	1649		8,7	5,4	6,7	
28	2124110191	Bùi Kiến Tường	01/09/2006	CCQ2411F	1646		5,5	2,8	3,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460803)

Ngày thi: 21/07/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A501

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

Ngô Đình Hoàng
Đ.T. Diên
Phạm Văn Mạnh
Nguyễn Văn Tuấn
Đặng Minh Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124110014	Lê Võ Hồng	Tuyết	27/06/2006	CCQ2411E	1649	9,8	7,0	8,1	
30	2122110098	Võ Đại	Vĩ	18/04/2004	CCQ2211C		2,7			HP
31	2124110209	Lê Thanh	Việt	19/06/2006	CCQ2411F	1647	6,3	2,6	4,1	
32	2124110025	Nguyễn Tấn	Vũ	24/02/2006	CCQ2411A	1648	8,1	4,2	5,8	
33	2124110207	Huỳnh Như	Ý	16/05/2006	CCQ2411F	1649	9,3	5,0	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460804)

Ngày thi: 21/07/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A502

Đ: 28
H: 15

Số SV có mặt: 43
Số bài thi: 43
Số tờ giấy thi: 43

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Văn...

Nguyễn Văn...

Nguyễn Văn...

Nguyễn Văn...

62

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124110257	Lương Phúc Khang	An	08/09/2006	CCQ2411G	1647	An	8,6	6,2	7,2	
2	2124110230	Võ Hoài	Ân	01/03/2006	CCQ2411G	1648	An	9,1	6,0	7,2	
3	2123220078	Huỳnh Tuấn	Anh	16/11/2005	CCQ2322B	1649	Anh	6,7	3,2	4,6	
4	2123110193	Lê Gia	Bảo	16/12/2005	CCQ2311F	1646	Bao	8,3	4,2	5,8	
5	2123220045	Trần Gia	Bảo	10/01/2005	CCQ2322B	1647	Bao	7,1	3,6	5,0	
6	2122110566	Nguyễn Đình	Công	30/04/2001	CCQ2211N	1648	Cong	6,9	6,6	6,7	
7	2123110134	Nguyễn Thành	Công	21/02/2005	CCQ2311D	1649	Cong	6,2	3,2	4,4	HP
8	2123220053	Lê Quang	Đạo	03/01/2005	CCQ2322B	1646	Dao	6,7	3,4	4,7	
9	2123110035	Châu Thành	Đạt	25/10/2005	CCQ2311A	1648	Da	7,6	6,4	6,9	
10	2124110232	Võ Tấn	Đạt	20/05/2006	CCQ2411G			0,0			HP
11	2124110222	Lê Thanh	Dinh	02/06/2006	CCQ2411G	1647	Thanh	6,2	4,0	4,9	HP
12	2124110247	Phạm	Đông	05/06/2001	CCQ2411G	1649	Dong	8,8	5,0	6,5	
13	2122110184	Nguyễn Trần Tiến	Dũng	03/10/2004	CCQ2222A	1646	Tien	7,5	2,2	4,3	
14	2124110223	Trần Minh	Dương	13/03/2006	CCQ2411G	1647	Minh	9,5	6,4	7,6	
15	2124110226	Lê Trường	Giang	09/10/2006	CCQ2411G	1648	Truong	7,1	3,6	5,0	
16	2123220069	Lữ Thu	Hà	02/07/2005	CCQ2322B	1649	Thu	6,6	3,4	4,7	
17	2123220040	Tạ Quang	Hà	08/01/2004	CCQ2322B	1646	Quang	7,8	3,8	5,4	
18	2124110246	Tạ Thanh	Hải	17/09/2006	CCQ2411G	1647	Hai	6,7	1,8	3,8	
19	2123110179	Trần Ngọc	Hải	28/03/2005	CCQ2311E	1648	Hai	7,5	10,0	9,0	
20	2124350039	Lê Đồng Khả	Hân	26/04/2006	CCQ2435A	1646	Khah	5,8	1,2	3,0	
21	2124110234	Phạm Hoàng	Hiệp	21/06/2006	CCQ2411G	1647	Hiep	6,3	4,0	4,9	
22	2122110522	Lê Văn	Hiếu	15/04/2004	CCQ2211M	1649	Hieu	8,1	4,4	5,9	HP
23	2124110216	Ninh Đức	Hung	15/06/2005	CCQ2411G			0,0			HP
24	2124110218	Lê Nhật	Huy	23/01/2006	CCQ2411G			0,0			HP
25	2124110215	Nguyễn Võ Nhật	Huy	22/04/2005	CCQ2411G	1648	Huy	8,4	6,2	7,1	
26	2124110227	Nguyễn Hồ Bảo	Khanh	13/11/2006	CCQ2411G			0,0			
27	2124110243	Đổng Nhật Anh	Khoa	05/01/2005	CCQ2411G	1646	Khoa	6,5	3,8	4,9	
28	2122110343	Nguyễn Đăng	Khoa	05/01/2004	CCQ2211I	1649	Khoa	7,7	3,4	5,1	

62

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

T. Mạnh

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460804)

Ngày thi: 21/07/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A502

Số SV có mặt: 43.

Số bài thi:43.

Số tờ giấy thi: 43.

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124350031	Lê Tuấn Kiệt	29/09/2005	CCQ2435A	1647	K	7,4	3,0	4,8	
30	2124110217	Trần Anh Kiệt	28/10/2006	CCQ2411G	1648	l	7,0	3,0	4,6	
31	2122110583	Phan Vũ Bảo Minh	16/03/2004	CCQ2211N	1649	Minh	8,1	4,4	5,9	
32	2124110219	Phạm Thị My	12/04/2006	CCQ2411G	1646	My	9,0	3,0	5,4	
33	2123110146	Nguyễn Nghĩa Nhân	30/09/2005	CCQ2311E	1647	N	8,1	8,6	8,4	
34	2124110299	Nguyễn Thành Nhân	18/07/2006	CCQ2411G	1647	N	9,1	5,8	7,1	
35	2123110132	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	21/02/2004	CCQ2311D	1649	Nhi	8,2	2,2	4,6	
36	2124110221	Nguyễn Thị Yến Nhi	23/06/2006	CCQ2411G	1646	N	8,0	4,0	5,6	
37	2124110323	Nguyễn Nhung	01/11/2006	CCQ2435A			5,4			HP
38	2124110229	Lê Hoàng Pháp	27/02/2006	CCQ2411G	1647	P	8,9	2,4	5,0	
39	2124110212	Lê Duy Phong	14/06/2006	CCQ2411G	1648	P	8,3	4,2	5,8	
40	2124110220	Nguyễn Hồng Thanh	01/01/2006	CCQ2411G	1649	Thanh	7,9	5,4	6,4	
41	2124110231	Từ Gia Thịnh	14/11/2006	CCQ2411G	1646	T	8,1	4,8	6,1	HP
42	2123110343	Lương Trung Tĩnh	28/07/2005	CCQ2322C	1649	T	7,4	5,2	6,1	
43	2124110315	Vũ Hải Triều	19/05/2003	CCQ2411G			7,8			HP
44	2124110224	Nguyễn Đức Trọng	18/08/2006	CCQ2411G	1647	T	6,6	3,6	4,8	
45	2123110165	Lâm Văn Trường	13/05/2005	CCQ2311E	1646	T	7,6	6,4	6,9	
46	2124350038	Trần Vương Khải Tú	07/04/2006	CCQ2435A	1649	T	7,5	3,8	5,3	
47	2123220063	Hứa Anh Tuấn	10/04/2005	CCQ2322C	1648	T	8,1	3,2	5,2	
48	2122110368	Dương Sĩ Vinh	01/06/2004	CCQ2211J	1647	V	7,5	3,2	4,9	
49	2124350032	Hồ Ngọc Vinh	05/11/2006	CCQ2435A	1646	V	7,6	2,8	4,7	